

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án:43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 7 năm 2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành
Ông Nguyễn Tiến Sửu

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà Khương Thị Phụng

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: khu 2, xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ

-Bị đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2021 quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Khánh T trình bày:

Anh kết hôn với chị Tạ Thị H, ngày 25/02/2010 trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện L. Tổ chức xong chị H về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi chửi nhau. Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4/2010, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung hiện chị H không mang thai gì với anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Tạ Thị H trong quá trình giải quyết vụ án đã được tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Ngô Thị B, bà trình bày: Bà là mẹ đẻ chị H năm 2010 gia đình bà tổ chức cho chị H kết hôn với anh T, sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng gia đình anh T ngay. Được vài tháng anh T, chị H xảy ra mâu thuẫn cụ thể nguyên nhân là gì thì bà không biết, chị H về nhà bà ở. Về con chung chị H, anh T không có con chung. Về tài sản, công nợ, công sức bà không nắm được. Nay anh T xin ly hôn chị H bà không có ý kiến gì, anh chị cũng đã ly thân lâu năm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay chị H đang đi làm ăn cụ thể làm gì bà không rõ và vẫn về nhà ở xã V. Những lần Tòa án triệu tập bà đều thông báo cho chị H biết nhưng chị H có nói do điều kiện công việc chị không về được chị cũng đồng ý ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định.

Qua xác minh tại UBND xã V: Chị Tạ Thị H là công dân có hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện L. Năm 2010 chị Tạ Thị H kết hôn với anh Nguyễn Khánh T và có đăng ký tại UBND xã V. Sau khi kết hôn chị H về làm ăn sinh sống cùng gia đình anh T tại tỉnh phú Thọ. Được thời gian ngắn chị H lại về sinh sống cùng gia đình tại thôn C, xã V. Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức địa phương không nắm được. Nay anh T xin ly hôn chị H, địa Phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự. Hiện chị H đi làm vẫn thường xuyên về địa phương còn cụ thể chị làm ở đâu và vì sao không đến Tòa án làm việc thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho anh Nguyễn Khánh T được ly hôn chị Tạ Thị H.
2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Anh Nguyễn Khánh T phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Tạ Thị H bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Khánh T và chị Tạ Thị H là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2010 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị H. Đối với chị Tạ Thị H Tòa án đã báo gọi nhiều lần gia đình chị đã nhận giấy và đều báo cho chị biết. Tuy nhiên chị H có nói với mẹ chị do điều kiện công việc nên chị không đến tòa án làm việc được. Việc chị H biết mình được tòa án triệu tập để giải quyết việc anh T xin ly hôn chị nhưng cố tình vắng mặt không đến làm việc thể hiện chị H không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ, hơn nữa thời gian vợ chồng ly thân đã quá lâu. Xét tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc anh T xin ly hôn chị H là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung, hiện chị H không mang thai gì với anh T, anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ

luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho anh Nguyễn Khánh T được ly hôn chị Tạ Thị H.

2. Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Khánh T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006141 ngày 17/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh T nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Vân Trục;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ